

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 26 - 6 - 2019

V/v: *Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Quân;

Bà Đỗ Thị Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2019/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Tạ Xuân C, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “Vắng mặt”;

Người làm chứng:

Ông Tạ Đức H, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 4, xã Xuân C, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2019 lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Tạ Xuân C trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định vào

ngày 28/02/2018. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gia đình đã động viên khuyên giải nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự tan vỡ, không còn hạnh phúc nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh Tạ Xuân C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tạ Nhật M, sinh ngày 15/9/2014; hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Chị làm nghề tự do ở trên Hà Nội mức thu nhập bình quân khoảng 7 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị và anh C tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Tạ Xuân C: Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp pháp thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần tổng đạt các giấy báo anh C đến Tòa để làm việc nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản thể hiện quan điểm gửi Tòa án.

Kết quả làm việc với ông Tạ Đức H là bố đẻ của anh Tạ Xuân C; ông H trình bày: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Tạ Xuân C là hợp pháp. Quá trình chung sống chị Chinh và anh Công không có mâu thuẫn gì lớn, mâu thuẫn trong công việc làm ăn từ cuối năm 2018. Khi anh C và chị C mâu thuẫn, gia đình đã tác động khuyên giải để nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị C xin ly hôn anh C, gia đình ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật xem xét giải quyết. Về con chung: Chị Ch và anh C có một con chung, gia đình ông nhất trí là để chị Ch nuôi con khi ly hôn. Về tài sản: Chị C và anh C không có tài sản, không nợ nần liên quan kinh tế với gia đình ông. Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho anh Tạ Xuân C, sau mỗi lần nhận được văn bản, giấy báo của Tòa án, ông đều thông báo lại nội dung cho anh C biết và khuyên, động viên anh C về Tòa án để làm việc, nhưng do anh C đang làm ăn ở Hà Nội, công việc bận chưa về Tòa án làm việc được nên có thông tin cho ông, anh Công vẫn còn tình cảm với chị C, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Trong trường hợp mà chị C quyết tâm xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, còn về con anh nhường quyền cho chị C tiếp tục trực tiếp nuôi con, anh không phải cấp dưỡng.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã X : Chị Nguyễn Thị C và anh Tạ Xuân C có đăng ký kết hôn tại UBND xã X theo quy định của pháp luật. Sau khi lấy chị C và anh C đi làm ăn ở Hà Nội, vợ chồng mâu thuẫn như thế nào địa phương không lắm rõ, nhưng có nghe dư luận vợ chồng mâu thuẫn do công ăn việc làm. Chị Ch và anh C có một con chung chưa thành niên, không có nhà, đất riêng tại địa phương, không nợ tài sản của ai tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Tạ Xuân C; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Tạ Nhật M, sinh ngày 15/9/2014, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Tạ Văn C đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập hợp lệ tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Tạ Xuân C là hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 28/02/2018 tại UBND xã X. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không thống nhất trong công ăn việc làm. Nay chị Chxin ly hôn, anh C đã biết việc này thông qua gia đình là mong muốn chị C quay về đoàn tụ. Anh Công mong muốn đoàn tụ nhưng thực tế anh C không đến Tòa án làm việc mặc dù đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, chứng tỏ anh Công không mặn mà cuộc sống vợ chồng với chị C. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Tạ Xuân C, cũng là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường.

[3] Về con chung chưa thành niên: Chị Nguyễn Thị C và anh Tạ Xuân C có 01 con chung là Tạ Nhật M, sinh ngày 15/9/2014; hiện nay con Minh đang ở cùng chị C. Khi ly hôn, chị C có nguyện vọng muốn tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Công cấp dưỡng. Xét điều kiện thực tế con chung còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ và không làm ảnh hưởng đến nếp

sống sinh hoạt bình thường của con cũng như anh C nhất trí để chị C nuôi con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình sẽ giao cho chị Ch tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con, anh C được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở là phù hợp.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Tạ Xuân C.

2. Về con chung chưa thành niên: Giao cho chị Nguyễn Thị Ch tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Tạ Nhật Mi, sinh ngày 15/9/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Ch không yêu cầu anh Tạ Xuân C cấp dưỡng nuôi con. Anh Tạ Xuân C được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001468, ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C, bị đơn anh Tạ Xuân C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quân

Đỗ Thị Hồng

Phạm Ngọc Long

